

UBND HUYỆN TIÊN LÃNG
TRƯỜNG THCS KIẾN THIẾT

Số: 12²/QĐ- THCS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kiến Thiết, ngày 12 tháng 02 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2022 của trường THCS Kiến Thiết

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ thông tư số 36/2017 – TT BGD&ĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và đào tạo (đối với cơ sở giáo dục thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ thông tư số 90/2018/TT- BTC ngày 28/09/2018 về sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán,

QUYẾT ĐỊNH:

- Điều 1.** Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2022 của Trường THCS Kiến Thiết (Có phụ lục đính kèm)
- Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.
- Điều 3.** Các ông bà Phó hiệu trưởng, tài vụ và các đơn vị liên quan thuộc và trực thuộc tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 1
- Lưu :VT, ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Vũ Thị Mai Hương

Đơn vị: Trường THCS Kiến Thiết

Chương: 622



QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 27/QĐ - THCS, ngày 02/04/2023 của trường THCS Kiến Thiết)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí ...				
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại				
1	Chi sự nghiệp.....				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí ...				
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	5.495.478.934	5.495.478.934		
6001	Lương theo ngạch bậc	4.884.711.934	4.884.711.934		

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
6105	Phụ cấp làm đêm, làm thêm giờ				
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề				
6113	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc				
6115	Phụ cấp thâm niên VK, thâm niên nghề				
6299	Chi khác				
6301	Bảo hiểm xã hội				
6302	Bảo hiểm y tế				
6303	Kinh phí công đoàn				
6304	Bảo hiểm thất nghiệp				
6349	Các khoản đóng góp khác				
6404	Chi thu nhập tăng thêm theo cơ chế khoán, tự chủ				
6449	Chi khác				
6501	Tiền điện				
6502	Tiền nước				
6505	Tiền khoán phương tiện theo chế độ				
6551	Văn phòng phẩm				
6552	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng				
6553	Khoản văn phòng phẩm				
6599	Vật tư văn phòng khác				
6601	Cước phí điện thoại (không bao gồm khoản điện thoại...)				
6605	Thuê báo kiến vệ tinh; thuê báo cấp truyền hình; cước internet; thuê báo truyền truyền mạng				
6608	Phím ảnh, ảnh nam truyền miệng, sách, báo, tạp chí truyền hình				
6704	Khoản công tác phí				
6754	Thuê thiết bị các loại				
6757	Thuê lao động trong nước				
6799	Chi phí thuê mướn khác				
6912	Các thiết bị công nghệ thông tin				
6921	Đường điện, cấp thoát nước				
6905	Tài sản và thiết bị chuyên dùng				
6949	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác				
6955	Tài sản và các thiết bị văn phòng				
7001	Chi mua hàng hóa, vật tư				
7004	Đồng phục, trang phục, bảo hộ lao động				
7012	Chi phí hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành				
7756	Chi các khoản phí và lệ phí				
8006	Chi tình giãn biên chế				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	610.767.000	610.767.000		
6199	Các khoản hỗ trợ khác				
6912	Các thiết bị công nghệ thông tin				
7756	Chi các khoản phí và lệ phí				
7766	Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế				
6157	Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập				
6552	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng				
6999	Tài sản và thiết bị khác				
7001	Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				



Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
5.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				



Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
5.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				

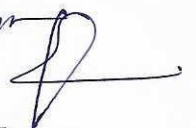
Kế toán



Lương Thị Thu Hà

Ngày 02 tháng 02 năm 2023.

Thủ trưởng đơn vị

Vũ Thị Mai Hương